

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**MỤC LỤC**

	Trang
<b>1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc</b>	2 - 6
<b>2. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	7 - 8
<b>3. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán</b>	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	9 - 10
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 52



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP (dưới đây gọi tắt là "Tổng công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

**1. Thông tin chung**

Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP được cổ phần hóa từ Tổng công ty Điện lực - Vinacomin (TNHH MTV) theo Quyết định số 85/QĐ-TTg ngày 19/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực - Vinacomin thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần 7 ngày 06/01/2022 với mã số doanh nghiệp là 0104297034, theo đó vốn điều lệ của Tổng công ty là 6.827.674.750.000 VND được chia thành 682.767.475 cổ phần (mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng), danh sách cổ đông tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần theo điều lệ	Tỷ lệ
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	677.808.500	99,27%
2	Cổ đông khác	4.958.975	0,73%
<b>Cộng</b>		<b>682.767.475</b>	<b>100%</b>

**2. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát**

Các thành viên của Hội đồng quản trị của Tổng công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Ông Nguyễn Trọng Hùng	Chủ tịch	
- Ông Ngô Trí Thịnh	Thành viên	
- Ông Nguyễn Đức Pha	Thành viên	
- Ông Hoàng Phó Hiềng	Thành viên	(i) Đến ngày 28/04/2021
- Ông Phạm Xuân Phong	Thành viên	(i) Đến ngày 28/04/2021
- Ông Nguyễn Trung Thực	Thành viên	(i) Từ ngày 28/04/2021
- Ông Nguyễn Đức Thảo	Thành viên độc lập	(i) Từ ngày 28/04/2021

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2021 - 2026 Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP số 06/NQ-ĐHĐCĐ-2021 ngày 28/04/2021.

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã điều hành hoạt động của Tổng công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Ông Ngô Trí Thịnh	Tổng Giám đốc	
- Ông Bùi Minh Tân	Phó Tổng Giám đốc	
- Ông Phạm Xuân Phong	Phó Tổng Giám đốc	
- Ông Nguyễn Trung Thực	Phó Tổng Giám đốc	
- Ông Hoàng Phó Hiền	Phó Tổng Giám đốc	(ii) Đến ngày 31/05/2021
- Ông Đoàn Xuân Hiệu	Phó Tổng Giám đốc	(iii) Từ ngày 01/10/2021
- Ông Nghiêm Xuân Chiến	Phó Tổng Giám đốc	(iii) Từ ngày 01/10/2021

(ii) Theo Nghị quyết số 09/NQ-ĐLTKV ngày 01/03/2021 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP.

(iii) Theo nghị quyết số 52/NQ-ĐLTKV ngày 16/09/2021 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP.

Các thành viên của Ban kiểm soát của Tổng công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Ông Phạm Văn Thường	Trưởng ban	(i) Đến ngày 28/04/2021
- Ông Lê Ngọc Nam	Trưởng ban	(i) Từ ngày 28/04/2021
- Bà Bùi Thu Thái	Thành viên	
- Bà Bùi Thị Tố Uyên	Thành viên	(i) Đến ngày 28/04/2021
- Bà Đào Thị Hoàng Yến	Thành viên	(i) Từ ngày 28/04/2021

**3. Trụ sở**

Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP có trụ sở chính tại tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021, Tổng công ty có các chi nhánh phụ thuộc và các công ty con sau:

**Chi nhánh phụ thuộc**

1. Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV, địa chỉ tại ngõ 719, đường Dương Tự Minh, phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;
2. Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV, địa chỉ tại khu 4, thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
3. Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV, địa chỉ tại thôn Đòng Rì, thị trấn Thanh Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;
4. Ban Quản lý Dự án Nhà máy Nhiệt điện Mạo Khê - Vinacomin, địa chỉ tại xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh;



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5. Ban Quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 - Vinacomin, địa chỉ tại thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng;
6. Công ty Nhiệt điện Đông Triều - TKV, địa chỉ tại xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh;
7. Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV, địa chỉ tại số 10 đường Hoàng Văn Thụ, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng;
8. Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV, địa chỉ tại tổ 4, khu 4A, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. (\*)

(\*) Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV - Chi nhánh Tổng Công ty điện lực TKV - CTCP được thành lập ngày 29/12/2021 theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0104297034-008 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp.

**Công ty con**

1. Công ty Cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV, địa chỉ tại Thôn Nông Sơn, xã Quế Trung, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.
2. Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV, địa chỉ tại phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. (\*)

(\*) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV đã dừng hoạt động sản xuất kinh doanh để thực hiện bàn giao, sáp nhập về Công ty mẹ kể từ 0 giờ ngày 31/12/2021)

Tỷ lệ góp vốn vào công ty con tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Tên công ty	Vốn góp của Tổng công ty (VND)	Tỷ lệ góp vốn thực tế tại ngày 31/12/2021	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV	124.279.500.000	88,77%	88,77%

**4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31/12/2021 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán đính kèm.

**5. Sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ**

Trong năm 2021, Thực hiện Hợp đồng sáp nhập số 28/2021/HĐSN/DTK-NDCP ngày 16/08/2021, Tổng Công ty điện lực TKV - CTCP (Mã chứng khoán: DTK) đã nhận sáp nhập Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV (Mã chứng khoán: NCP) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của NCP sang DTK theo hình thức hoán đổi cổ phiếu, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của NCP. Theo đó, tại ngày 28/11/2021, Tổng Công ty điện lực TKV - CTCP đã phát hành và hoán đổi 2.767.475 cổ phiếu cho 290 cổ đông của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV (ngoại trừ cổ đông là chính Tổng Công ty) theo tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu là 1:0,58 (tức 01 cổ phiếu NCP sẽ được đổi lấy 0,58 cổ phiếu DTK).



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ngày 29/12/2021, Hội đồng quản trị Tổng Công ty điện lực TKV - CTCP đã ban hành Nghị quyết số 76/NQ-ĐLTKV thông qua việc dừng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV để thực hiện bàn giao, sáp nhập về Tổng Công ty điện lực TKV - CTCP kể từ 0 giờ ngày 31/12/2021.

**6. Các khoản bất thường và sự kiện quan trọng phát sinh sau niên độ**

Đến thời điểm lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng công ty bị phản ánh sai lệch.

**7. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 của Tổng công ty.

**8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị Tổng công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty xác nhận rằng Tổng công ty đã lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 theo đúng các yêu cầu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

**9. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng công ty và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022

**THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Ngô Trí Thịnh**



Số: 61/2022/BCKT-PKF.VPC

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP được lập ngày 30 tháng 03 năm 2022 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 9 đến trang 52 kèm theo.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.



Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam**



**Nguyễn Như Tiến**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0449-2018-242-1

**Đỗ Thị Ánh Tuyết**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0079-2018-242-1



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2021	01/01/2021
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>4.190.004.720.980</b>	<b>3.516.984.751.427</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>146.498.638.651</b>	<b>452.628.280.002</b>
Tiền	111		146.498.638.651	436.628.280.002
Các khoản tương đương tiền	112		-	16.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>14.700.000.000</b>	<b>30.700.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		14.700.000.000	30.700.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.542.322.105.470</b>	<b>2.672.251.595.554</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	3.517.563.549.527	2.622.176.180.243
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.396.729.926	14.369.474.827
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	226.114.905
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	16.878.031.550	35.979.218.665
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(516.205.533)	(499.393.086)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>347.470.138.608</b>	<b>286.116.394.678</b>
Hàng tồn kho	141		347.676.062.897	286.322.318.967
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(205.924.289)	(205.924.289)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>139.013.838.251</b>	<b>75.288.481.193</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	2.010.674.855	8.915.426.848
Thuế GTGT được khấu trừ	152		97.203.395.227	65.895.246.115
Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	153	5.13	39.799.768.169	477.808.230
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>14.582.703.283.029</b>	<b>16.563.794.695.501</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>12.365.128.994</b>	<b>11.229.974.268</b>
Phải thu dài hạn khác	216	5.4	12.365.128.994	11.229.974.268
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>12.860.493.333.269</b>	<b>14.542.939.662.560</b>
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>5.8</b>	<b>12.801.064.823.922</b>	<b>14.507.064.948.688</b>
- Nguyên giá	222		33.827.511.568.805	33.526.079.594.914
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(21.026.446.744.883)	(19.019.014.646.226)
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>5.9</b>	<b>59.428.509.347</b>	<b>35.874.713.872</b>
- Nguyên giá	228		72.443.352.371	49.913.314.429
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(13.014.843.024)	(14.038.600.557)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>5.7</b>	<b>110.769.059.367</b>	<b>141.846.826.075</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		898.025.842	1.053.494.656
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		109.871.033.525	140.793.331.419
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.2</b>	<b>1.224.938.734.159</b>	<b>1.224.938.734.159</b>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.224.938.734.159	1.224.938.734.159
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>374.137.027.240</b>	<b>642.839.498.439</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	204.397.796.595	469.014.901.923
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		169.739.230.645	173.824.596.516
<b>Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>18.772.708.004.009</b>	<b>20.080.779.446.928</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2021	01/01/2021
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>10.989.342.586.173</b>	<b>12.713.493.653.216</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.027.333.583.603</b>	<b>6.073.222.566.562</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	2.202.625.137.721	2.720.376.878.030
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.410.478.000	1.467.373.800
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	44.775.712.450	113.391.112.345
Phải trả người lao động	314		131.685.658.373	152.017.298.453
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	41.427.324.869	57.377.134.537
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	220.030.142.500	17.029.503.085
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	3.349.878.446.727	2.974.874.610.688
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		35.500.682.963	36.688.655.624
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.962.009.002.570</b>	<b>6.640.271.086.654</b>
Phải trả người bán dài hạn	331	5.11	370.216.414.600	399.289.200.586
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.12	4.571.694.642.376	6.211.553.600.968
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.16	-	8.341.875.242
Dự phòng phải trả dài hạn	342		1.976.928.523	2.965.392.787
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		18.121.017.071	18.121.017.071
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>7.783.365.417.836</b>	<b>7.367.285.793.712</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>7.783.365.417.836</b>	<b>7.367.285.793.712</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		<b>6.827.674.750.000</b>	<b>6.800.000.000.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		6.827.674.750.000	6.800.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		(28.358.542)	16.641.458
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(1.848.203.592)	(1.848.203.592)
Quỹ đầu tư phát triển	418		54.625.275.441	20.278.275.441
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		885.011.005.095	523.118.419.406
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(2.106.882.479)	8.117.489.775
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		887.117.887.574	515.000.929.631
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		17.930.949.434	25.720.660.999
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>18.772.708.004.009</b>	<b>20.080.779.446.928</b>

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**





**Nguyễn Hồng Nhung**

**Nguyễn Thị Hà**

**Ngô Trí Thịnh**



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	13.059.307.162.962	12.768.778.189.832
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>13.059.307.162.962</b>	<b>12.768.778.189.832</b>
Giá vốn hàng bán	11	6.2	11.571.698.306.466	11.021.487.992.022
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>1.487.608.856.496</b>	<b>1.747.290.197.810</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	421.621.115.613	279.236.708.110
Chi phí tài chính	22	6.4	718.026.280.932	1.010.718.231.362
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		381.297.834.324	511.976.325.877
Chi phí bán hàng	25	6.7	2.579.519.376	2.197.216.586
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	300.424.274.544	304.733.502.381
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>888.199.897.257</b>	<b>708.877.955.591</b>
Thu nhập khác	31	6.5	80.241.228.229	1.430.435.496
Chi phí khác	32	6.6	3.642.547.150	11.731.429.118
<b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>76.598.681.079</b>	<b>(10.300.993.622)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>964.798.578.336</b>	<b>698.576.961.969</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	65.869.644.398	185.597.469.924
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(8.341.875.242)	(73.085.802.832)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>907.270.809.180</b>	<b>586.065.294.877</b>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		908.446.522.624	510.029.749.631
Lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát	62		(1.175.713.444)	76.035.545.246
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>6.10</b>	<b>1.336</b>	<b>750</b>

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồng Nhung



Nguyễn Thị Hà



NGÔ TRÍ THỊNH



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số TM	Năm 2021	Năm 2020
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KD</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	964.798.578.336	698.576.961.969
<b>Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.054.335.053.036	1.692.966.327.320
Các khoản dự phòng	03	(1.616.733.542.477)	113.492.464
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(25.251.743.005)	3.486.747.530
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(348.256.909.692)	(278.191.721.730)
Chi phí lãi vay	06	381.297.834.324	511.976.325.877
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
<b>Lợi nhuận từ HĐKD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>1.410.189.270.522</b>	<b>2.628.928.133.430</b>
Tăng, Giảm các khoản phải thu	09	(918.007.856.465)	239.800.459.267
Tăng, Giảm hàng tồn kho	10	(57.268.378.059)	(92.833.259.731)
Tăng, Giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	1.579.645.482.905	373.252.633.129
Tăng, Giảm chi phí trả trước	12	271.521.857.321	441.728.548.814
Tiền lãi vay đã trả	14	(389.153.147.004)	(1.043.648.236.680)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(159.653.080.504)	(229.944.618.480)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	19.433.675.620	15.806.638.636
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(65.511.499.082)	(48.645.634.038)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>1.691.196.325.254</b>	<b>2.284.444.664.347</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS DH khác	21	(637.965.453.002)	(207.375.968.917)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.481.818	537.507.820
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(20.700.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	347.397.287.382	272.391.002.943
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(290.566.683.802)</b>	<b>44.852.541.846</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33 7.1	6.581.451.766.994	4.885.467.153.247
Tiền trả nợ gốc vay	34 7.1	(7.846.306.889.547)	(6.556.585.338.801)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(441.904.160.250)	(510.702.544.250)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.706.759.282.803)</b>	<b>(2.181.820.729.804)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>(306.129.641.351)</b>	<b>147.476.476.389</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>452.628.280.002</b>	<b>305.151.834.284</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(30.671)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>146.498.638.651</b>	<b>452.628.280.002</b>

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Nguyễn Hồng Nhung

Nguyễn Thị Hà

Ngô Trí Thịnh



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP được cổ phần hóa từ Tổng công ty Điện lực - Vinacomin (TNHH MTV) theo Quyết định số 85/QĐ-TTg ngày 19/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực - Vinacomin thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần 7 ngày 06/01/2022 với mã số doanh nghiệp là 0104297034, theo đó vốn điều lệ của Tổng công ty là 6.827.674.750.000 VND được chia thành 682.767.475 cổ phần (mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng), danh sách cổ đông tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần theo điều lệ	Tỷ lệ
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	677.808.500	99,27%
2	Cổ đông khác	4.958.975	0,73%
	<b>Cộng</b>	<b>682.767.475</b>	<b>100%</b>

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Tổng công ty là Đầu tư xây dựng, khai thác, vận hành các nhà máy nhiệt điện, các nhà máy thủy điện; Sản xuất điện; Mua bán điện; Quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình điện.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP có trụ sở tại tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021, Tổng công ty có các chi nhánh phụ thuộc và các công ty con sau:

**Chi nhánh phụ thuộc**

- Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV, địa chỉ tại ngõ 719, đường Dương Tự Minh, phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;
- Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV, địa chỉ tại khu 4, thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV, địa chỉ tại thôn Đồng Rì, thị trấn Thanh Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;
- Ban Quản lý Dự án Nhà máy Nhiệt điện Mạo Khê - Vinacomin, địa chỉ tại xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh;

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5. Ban Quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 - Vinacomin, địa chỉ tại thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng;
6. Công ty Nhiệt điện Đông Triều - TKV, địa chỉ tại xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh;
7. Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV, địa chỉ tại số 10 đường Hoàng Văn Thụ, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng;
8. Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV, địa chỉ tại tổ 4, khu 4A, phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. (\*)

(\*) Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV - Chi nhánh Tổng Công ty điện lực TKV - CTCP được thành lập ngày 29/12/2021 theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0104297034-008 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp.

**Công ty con**

1. Công ty Cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV, địa chỉ tại Thôn Nông Sơn, xã Quế Trung, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.
2. Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV, địa chỉ tại phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. (\*)

(\*) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV đã dừng hoạt động sản xuất kinh doanh để thực hiện bàn giao, sáp nhập về Công ty mẹ kể từ 0 giờ ngày 31/12/2021

Tỷ lệ góp vốn vào công ty con tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Tên công ty	Vốn góp của Tổng công ty (VND)	Tỷ lệ góp vốn thực tế tại ngày 31/12/2021	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV	124.279.500.000	88,77%	88,77%

**2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp; và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về việc hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất để lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 của Tổng công ty.

**4.1 Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 của Tổng công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 của Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP và các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 của các công ty con do Công ty mẹ kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con phải được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con và chấm dứt vào ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con. Khoản đầu tư vào doanh nghiệp phải hạch toán theo Chuẩn mực kế toán "Công cụ tài chính" kể từ khi doanh nghiệp đó không còn là công ty con và cũng không trở thành công ty liên doanh, liên kết.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty mẹ, các công ty con trong cùng Tổng công ty được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu của Tổng công ty. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con hợp nhất bao gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu năm báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong năm báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**4.4 Các giao dịch ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm.

Số dư các khoản mục tiền-tệ có gốc ngoại tệ được phân loại thành tài sản và nợ phải trả vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào và bán ra của các ngân hàng thương mại có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Tỷ giá áp dụng đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm áp dụng thống nhất trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được thực hiện theo Công văn số 31/TKV-KTTC ngày 04/01/2022 của Tập đoàn, cụ thể như sau:

- Các khoản tiền gửi, tiền tồn quỹ và các khoản phải thu ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng là 22.640 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải trả, tiền vay ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 22.920 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải thu, phải trả trong TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 22.920 VND/USD.
- Các loại ngoại tệ khác (nếu có) được căn cứ vào thông báo của Ngân hàng hoặc quy đổi qua đồng đô la Mỹ theo nguyên tắc như hướng dẫn nêu trên.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ khác tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính.

**4.5 Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Tổng công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

**4.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tổng công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, vật tư và hàng hoá: được xác định theo các phương pháp nhập trước xuất trước và bình quân gia quyền.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

**4.7 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

**4.7.1 Tài sản cố định hữu hình**

***Đối với những tài sản cố định hữu hình đưa vào sử dụng trước ngày 01/04/2014***

Nguyên giá và giá trị còn lại của các tài sản đưa vào sử dụng trước ngày 01/04/2014 được ghi nhận theo giá trị đánh giá lại theo Quyết định số 1930/QĐ-HĐTV ngày 29/08/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

***Đối với những tài sản cố định hữu hình đưa vào sử dụng sau ngày 01/04/2014***

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng sau ngày 01/04/2014 bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Tổng công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, trang thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 12 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	10 năm

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021, Công ty mẹ thực hiện trích khấu hao nhanh đối với TSCĐ hữu hình máy móc, trang thiết bị, phương tiện vận tải, truyền dẫn và thiết bị, dụng cụ quản lý với hệ số là 2 lần (năm 2020 Công ty mẹ không thực hiện khấu hao nhanh).

**4.7.2 Tài sản cố định vô hình**

***Đối với những tài sản cố định vô hình đưa vào sử dụng trước ngày 01/04/2014***

Nguyên giá và giá trị còn lại của các tài sản cố định vô hình đưa vào sử dụng trước ngày 01/04/2014 được ghi nhận theo giá trị đánh giá lại theo Quyết định số 1930/QĐ-HĐTV ngày 29/08/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

***Đối với những tài sản cố định vô hình đưa vào sử dụng sau ngày 01/04/2014***

Nguyên giá tài sản cố định vô hình tăng sau ngày 01/04/2014 bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thời gian trích khấu hao của tài sản cố định vô hình của Tổng công ty như sau:

- Phần mềm máy vi tính	03 - 06 năm
- Quyền sử dụng đất	08 - 50 năm
- Tài sản cố định vô hình khác	06 năm

**4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

**4.9 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Theo đó, các khoản đầu tư chỉ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng công ty trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Tổng công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn sau 90 ngày nhưng từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**4.10 Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

**4.11 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

**4.12 Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải trả từ nhà cung cấp của Tổng công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

**4.13 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm, nhưng chưa được thực chi tại thời điểm kết thúc năm tài chính để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**4.14 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư ban đầu của Tổng công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành Công ty cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Tổng công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0104297034 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 06/01/2022, vốn điều lệ của Tổng công ty (Công ty mẹ) là 6.827.674.750.000 đồng và được chia thành 682.767.475 cổ phần. Các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Tổng công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Nhà đầu tư	Theo điều lệ		Vốn góp thực tế tại 31/12/2021	Tỷ lệ góp vốn (%)
	Số cổ phần	Tiền (VND)		
Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam	677.808.500	6.778.085.000.000	6.778.085.000.000	100%
Các cổ đông khác	4.958.975	49.589.750.000	49.589.750.000	100%
<b>Cộng</b>	<b>682.767.475</b>	<b>6.827.674.750.000</b>	<b>6.827.674.750.000</b>	<b>100%</b>

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

#### 4.15 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm, khi Tổng công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được tính toán một cách tin cậy.
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi chênh lệch tỷ giá và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (v) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### 4.16 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính của Tổng công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định và các chi phí khác phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tổng công ty.

#### 4.17 Thuế

**Thuế Thu nhập Doanh nghiệp:** thể hiện tổng giá trị của số thuế thu nhập hiện hành và số thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

**Các loại thuế khác:** theo quy định hiện hành của Việt Nam.

**4.18 Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính (không bao gồm các khoản đầu tư vào công ty liên kết) và các công cụ tài chính phái sinh.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và nợ thuê tài chính và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	<u>(VND)</u>	<u>(VND)</u>
Tiền mặt tại quỹ (i)	1.484.585.344	628.864.214
Tiền gửi ngân hàng (ii)	145.014.053.307	435.999.415.788
Các khoản tương đương tiền	-	16.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>146.498.638.651</u></b>	<b><u>452.628.280.002</u></b>
 (i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 31/12/2021 bao gồm:		
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Ngoại tệ		-
Đồng Việt Nam		<u>1.484.585.344</u>
<b>Cộng</b>		<b><u>1.484.585.344</u></b>
 (ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2021 bao gồm:		
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Ngoại tệ (USD)		-
Đồng Việt Nam		<u>145.014.053.307</u>
<b>Cộng</b>		<b><u>145.014.053.307</u></b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Ngắn hạn	14.700.000.000	14.700.000.000	30.700.000.000	30.700.000.000
Dài hạn	1.224.938.734.159	1.224.938.734.159	1.224.938.734.159	1.224.938.734.159
Đầu tư vào đơn vị khác:	1.224.938.734.159	1.224.938.734.159	1.224.938.734.159	1.224.938.734.159
- Công ty TNHH Điện lực Vĩnh Tân	386.597.424.159	386.597.424.159	386.597.424.159	386.597.424.159
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	360.500.000.000	360.500.000.000	360.500.000.000	360.500.000.000
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	477.841.310.000	477.841.310.000	477.841.310.000	477.841.310.000
<b>Cộng</b>	<b>1.239.638.734.159</b>	<b>1.239.638.734.159</b>	<b>1.255.638.734.159</b>	<b>1.255.638.734.159</b>

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty mà Tổng công ty góp vốn tại ngày 31/12/2021

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
<b>Đầu tư vào đơn vị khác:</b>				
Công ty TNHH Điện lực Vĩnh Tân	Bình Thuận	5%	5%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Hải Phòng	7.21%	7.21%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Quảng Ninh	10.62%	10.62%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.3 Phải thu khách hàng**

	<u>31/12/2021</u> (VND)	<u>01/01/2021</u> (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>3.517.563.549.527</b>	<b>2.622.176.180.243</b>
Công ty Mua bán điện	3.508.614.573.583	2.615.891.410.248
Các khách hàng khác	8.948.975.944	6.284.769.995
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>3.517.563.549.527</u></b>	<b><u>2.622.176.180.243</u></b>

Phải thu khách hàng là các bên liên quan chi tiết xem Phụ biểu 02

**5.4 Phải thu khác**

	<u>31/12/2021</u> (VND)		<u>01/01/2021</u> (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>16.878.031.550</b>		<b>35.979.218.665</b>	-
Tạm ứng	83.952.344		585.473.000	-
Phải thu người lao động	577.654.200		1.525.662.099	-
Phải thu khác (i)	16.216.425.006		33.868.083.566	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>12.365.128.994</b>		<b>11.229.974.268</b>	-
Ký cược, ký quỹ	10.537.847.500		9.714.437.000	-
Lãi ký quỹ	1.827.281.494		1.515.537.268	-
<b>Cộng</b>	<b><u>29.243.160.544</u></b>		<b><u>47.209.192.933</u></b>	-

(i) Phải thu khác tại ngày 31/12/2021 bao gồm:

	<u>31/12/2021 (VND)</u>
Thuế GTGT điện bán ra	9.914.999.706
Các khoản khác	6.301.425.300
<b>Cộng</b>	<b><u>16.216.425.006</u></b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.5 Nợ xấu**

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	524.675.421	8.469.888	516.070.341	16.677.255
Từ 3 năm trở lên	496.442.461	-	479.301.462	-
Công ty CP Dịch vụ thương mại Á Châu	459.574.000	-	459.574.000	-
Công ty CP SX và TM Nhất Thành Phát	18.172.000	-	18.172.000	-
Trung tâm nghiên cứu. TK ứng dụng CN mới	-	-	-	-
Đối tượng khác	18.696.461	-	1.552.462	-
Từ 2 đến 3 năm	28.232.960	8.469.888	8.535.919	2.560.775
Công ty CP SX và TM Nhất Thành Phát	-	-	-	-
Đối tượng khác	28.232.960	8.469.888	8.535.919	2.560.775
Từ 1 đến 2 năm	-	-	28.232.960	14.116.480
Đối tượng khác	-	-	28.232.960	14.116.480

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.6 Hàng tồn kho**

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
Nguyên liệu, vật liệu	333.619.828.075	(205.924.289)
Công cụ, dụng cụ	2.444.891.196	-
Chi phí SXKD DD	6.538.236.638	-
Thành phẩm	5.073.106.988	-
<b>Cộng</b>	<b>347.676.062.897</b>	<b>(205.924.289)</b>

**5.7 Tài sản dở dang dài hạn**

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
<b>a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>	<b>898.025.842</b>	<b>1.053.494.656</b>
Chi phí thực hiện đề tài nghiên cứu sử dụng nắm gió tại NMNĐ Cao Ngạn	-	1.053.494.656
Chi phí nghiên cứu xử lý tro bay động trên đường ngang lò hơi CFB tại NMNĐ Sơn Động	842.435.842	-
Khác	55.590.000	-
<b>b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>109.871.033.525</b>	<b>140.793.331.419</b>
- Xây dựng cơ bản	70.303.661.310	115.300.561.039
Xây dựng bãi thải xỉ NMNĐ Na Dương giai đoạn 2011 - 2012 (nay là giai đoạn 2013 - 2015)	20.091.928.227	18.132.291.906
Dự án Nhà máy nhiệt điện Na Dương 2	37.276.974.059	34.287.551.485
Dự án đầu tư máy móc TBSX năm 2020 - Thiết bị cân than định lượng máy cấp than lò hơi	-	25.334.840.000
Dự án Nâng cấp hệ thống điều khiển tự động Tổ máy S2 (NMNĐ Cẩm Phả)	-	19.056.567.404
Các công trình khác	12.934.759.024	18.489.310.244
- Chi phí sửa chữa lớn	39.567.372.215	25.492.770.380
<b>Cộng</b>	<b>110.769.059.367</b>	<b>141.846.826.075</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.8 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dùng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	9.310.985.203.289	23.539.841.379.940	346.223.852.116	58.144.335.576	270.884.823.993	33.526.079.594.914
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	96.652.419.074	230.555.692.619	12.909.701.752	4.107.361.726	547.808	344.225.722.979
- Tăng khác	547.684.091	353.060.768.163	61.453.144.552	-	-	415.061.596.806
- Thanh lý, nhượng bán	(44.550.000)	-	-	-	-	(44.550.000)
- Giảm khác	(162.380.740.390)	(16.495.748.804)	-	(33.435.560.347)	(245.498.746.353)	(457.810.795.894)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>9.245.760.016.064</b>	<b>24.106.962.091.918</b>	<b>420.586.698.420</b>	<b>28.816.136.955</b>	<b>25.386.625.448</b>	<b>33.827.511.568.805</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>						
Số dư đầu năm	3.308.744.939.990	15.084.129.192.386	308.745.260.193	54.902.200.282	262.493.053.375	19.019.014.646.226
- Khấu hao trong năm	420.613.626.989	1.600.179.936.542	27.601.236.427	2.668.181.550	544.725.426	2.051.607.706.934
- Hao mòn trong năm	1.000.260.069	-	-	-	988.464.264	1.988.724.333
- Tăng khác	-	228.818.826.110	61.152.748.657	4.570.836	1	289.976.145.604
- Thanh lý, nhượng bán	(44.550.000)	-	-	-	-	(44.550.000)
- Giảm khác	(37.552.053.408)	(22.911.655.316)	-	(32.887.776.257)	(242.744.443.233)	(336.095.928.214)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.692.762.223.640</b>	<b>16.890.216.299.722</b>	<b>397.499.245.277</b>	<b>24.687.176.411</b>	<b>21.281.799.833</b>	<b>21.026.446.744.883</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu năm	6.002.240.263.299	8.455.712.187.554	37.478.591.923	3.242.135.294	8.391.770.618	14.507.064.948.688
Tại ngày cuối năm	5.552.997.792.424	7.216.745.792.196	23.087.453.143	4.128.960.544	4.104.825.615	12.801.064.823.922

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý:

11.812.060.083.900  
 3.469.740.941.830  
 21.586.198.343



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.9 Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐVH khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu năm	40.222.571.621	8.282.748.811	1.407.993.997	49.913.314.429
- Mua trong năm	-	-	844.337.143	844.337.143
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	176.621.322	176.621.322
- Tăng khác	25.587.178.344	-	142.641.818	25.729.820.162
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	(4.220.740.685)	-	-	(4.220.740.685)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>61.589.009.280</b>	<b>8.282.748.811</b>	<b>2.571.594.280</b>	<b>72.443.352.371</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>				
Số dư đầu năm	7.032.497.670	6.009.759.741	996.343.146	14.038.600.557
- Khấu hao trong năm	957.930.902	1.009.209.876	760.205.324	2.727.346.102
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	(3.751.103.635)	-	-	(3.751.103.635)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.239.324.937</b>	<b>7.018.969.616</b>	<b>1.756.548.471</b>	<b>13.014.843.024</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày đầu năm	<b>33.190.073.951</b>	<b>2.272.989.070</b>	<b>411.650.851</b>	<b>35.874.713.872</b>
Tại ngày cuối năm	<b>57.349.684.343</b>	<b>1.263.779.195</b>	<b>815.045.809</b>	<b>59.428.509.347</b>
Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:				45.023.194.471
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:				3.450.744.641

**5.10 Chi phí trả trước**

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>2.010.674.855</b>	<b>8.915.426.848</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	340.491.581	7.657.068.360
Chi phí bảo hiểm	588.365.903	574.731.794
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.081.817.371	683.626.694
<b>b. Dài hạn</b>	<b>204.397.796.595</b>	<b>469.014.901.923</b>
Công cụ dụng cụ phân bổ nhiều năm	13.370.095.768	34.768.185.653
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	143.545.724.573	273.535.090.137
Chi phí bồi thường giấy phép mặt bằng	28.523.823.944	31.179.516.355
Lỗ CLTG phân bổ không quá 5 năm	-	116.379.159.994
Chi phí trả trước dài hạn khác	18.958.152.310	13.152.949.784
<b>Cộng</b>	<b>206.408.471.450</b>	<b>477.930.328.771</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.11 Phải trả người bán**

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>2.202.625.137.721</b>	<b>2.202.625.137.721</b>	<b>2.720.376.878.030</b>	<b>2.720.376.878.030</b>
Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	1.120.176.228.323	1.120.176.228.323	1.512.637.525.908	1.512.637.525.908
Tổng Công ty Đông Bắc	332.197.616.787	332.197.616.787	218.526.960.268	218.526.960.268
Ban Điều hành Dự án Thủy điện Đồng Nai 5 Tổng công ty Sông Đà	105.306.176.854	105.306.176.854	378.152.411.411	378.152.411.411
Nhà thầu Tổng công ty thiết bị nặng Trung Quốc (DA NS)	140.279.671.139	140.279.671.139	142.085.190.467	142.085.190.467
Công ty CP Vật tư & Thiết bị Công nghiệp	21.878.478.000	21.878.478.000	31.442.900.000	31.442.900.000
Công ty TNHH thương mại và thiết bị điện máy Tân Dương	6.824.326.340	6.824.326.340	15.962.719.858	15.962.719.858
Phải trả các đối tượng khác	475.962.640.278	475.962.640.278	421.569.170.118	421.569.170.118
<b>Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	<b>370.216.414.600</b>	<b>370.216.414.600</b>	<b>399.289.200.586</b>	<b>399.289.200.586</b>
Nhà thầu SFECO	370.216.414.600	370.216.414.600	399.289.200.586	399.289.200.586
<b>Cộng</b>	<b>2.572.841.552.321</b>	<b>2.572.841.552.321</b>	<b>3.119.666.078.616</b>	<b>3.119.666.078.616</b>

Phải trả người bán là các bên liên quan chi tiết xem Phụ biểu 02.





**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTPC**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

	01/01/2021		31/12/2021	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)
<b>c. Phân loại gốc vay dài hạn đến hạn trả tại thời điểm lập BCTC</b>	<b>1.714.968.836.348</b>	<b>1.714.968.836.348</b>	<b>1.748.206.185.592</b>	<b>1.748.206.185.592</b>
<b>c.1. Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>1.644.968.836.348</b>	<b>1.644.968.836.348</b>	<b>1.678.206.185.592</b>	<b>1.678.206.185.592</b>
Vay Ngân hàng	834.289.602.496	834.289.602.496	878.173.711.656	878.173.711.656
Vay Tập đoàn	810.679.233.852	810.679.233.852	800.032.473.936	800.032.473.936
<b>c.2. Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>70.000.000.000</b>
Ngân hàng	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000
<b>d. Số dư tại thời điểm lập BCTC</b>	<b>9.186.428.211.656</b>	<b>9.186.428.211.656</b>	<b>7.921.573.089.103</b>	<b>7.921.573.089.103</b>
d.1 Vay và nợ ngắn hạn (d.1 = a + c)	2.974.874.610.688	2.974.874.610.688	3.349.878.446.727	3.349.878.446.727
d.2 Vay và nợ dài hạn (d.2 = b - c)	6.211.553.600.968	6.211.553.600.968	4.571.694.642.376	4.571.694.642.376

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

(\*) Số dư trái phiếu phát hành tại ngày 31/12/2021 gồm:

- Trái phiếu phát hành năm 2015:

Trái phiếu không chuyển đổi có tổng mệnh giá 560.000.000.000 đồng (năm trăm sáu mươi tỷ đồng) đảm bảo thanh toán bằng tài sản, phát hành ngày 29 tháng 12 năm 2015 và đáo hạn vào ngày 29 tháng 12 năm 2020; Chi phí phát hành trái phiếu (phí bảo lãnh phát hành) bằng 1% tổng mệnh giá trái phiếu, tương đương với 5.376.000.000 đồng (năm tỷ ba trăm bảy mươi sáu triệu đồng) được phân bổ dần trong 05 năm. Các trái phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ, mỗi trái phiếu có mệnh giá 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Trái phiếu phát hành lần này được bán cho Công ty Liên doanh Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank (500 trái phiếu) và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh (60 trái phiếu).

Trái chủ được hưởng lãi kể từ và bao gồm ngày 29 tháng 12 năm 2015 (ngày phát hành) cho đến, nhưng không bao gồm ngày 29 tháng 12 năm 2020 (ngày đáo hạn) và được trả sau 6 tháng một lần vào ngày 29/06 và ngày 29/12 hàng năm, với mức lãi suất áp dụng như sau:

+ Lãi suất năm đầu tiên của trái phiếu là 8%/ năm;

+ Lãi suất các năm sau bằng tổng của 2,5%/ năm và trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam, trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng áp dụng cho cá nhân được công bố tại các trang web của 04 ngân hàng lớn của Việt Nam, bao gồm: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày xác định lãi suất.

- Trái phiếu phát hành năm 2018:

Trái phiếu không chuyển đổi có tổng mệnh giá 400.000.000.000 đồng (bốn trăm tỷ đồng) được đảm bảo bằng tài sản, phát hành ngày 31/07/2018 và đáo hạn ngày 31/07/2025. Các trái phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ, mỗi trái phiếu có mệnh giá 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

Trái chủ (Ngân hàng TMCP Tiên Phong) được hưởng lãi kể từ và bao gồm ngày 31/07/2018 cho đến nhưng không bao gồm ngày 31/07/2025 (ngày đáo hạn) và được trả 6 tháng 1 lần vào ngày 31/07 và 31/01 hàng năm với mức lãi suất áp dụng như sau:

+ Lãi suất kỳ đầu tiên là 9,8%/năm

+ Lãi suất các kỳ sau bằng tổng của 3,1%/năm và trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam, áp dụng với cá nhân, trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng áp dụng cho cá nhân công bố tại trang Web của 04 ngân hàng lớn của Việt Nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam vào 11h00 tại ngày xác định lãi suất.





**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.13 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	01/01/2021 (VND)	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2021 (VND)
<b>a. Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	21.783.144.726	398.221.979.983	397.159.624.983	22.845.499.726
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	71.794.080.504	65.639.591.460	135.578.297.891	1.855.374.073
Thuế thu nhập cá nhân	777.322.061	7.848.454.880	6.872.786.859	1.752.990.082
Thuế tài nguyên	12.092.326.802	88.450.767.931	91.147.395.878	9.395.698.855
Thuế đất và tiền thuê đất	-	3.719.149.658	3.719.149.658	-
Các loại thuế khác	-	17.108.518	17.108.518	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	6.944.238.252	43.364.752.075	41.382.840.613	8.926.149.714
<b>Cộng</b>	<b>113.391.112.345</b>	<b>607.261.804.505</b>	<b>607.261.804.505</b>	<b>44.775.712.450</b>
<b>b. Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	200.000.000	200.000.000	14.638.889.883	14.638.889.883
Thuế thu nhập doanh nghiệp	230.052.938	230.052.938	24.074.782.613	24.074.782.613
Thuế thu nhập cá nhân	18.755.009	18.755.009	-	-
Thuế đất và tiền thuê đất	-	528.112.292	1.587.399.174	1.059.286.882
Các loại thuế khác	26.808.791	-	-	26.808.791
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.191.492	2.191.492	-	-
<b>Cộng</b>	<b>477.808.230</b>	<b>979.111.731</b>	<b>40.301.071.670</b>	<b>39.799.768.169</b>

Quyết toán thuế của Tổng công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.14 Chi phí phải trả**

	<u>31/12/2021</u> (VND)	<u>01/01/2021</u> (VND)
<b>Ngắn hạn</b>	<b>41.427.324.869</b>	<b>57.377.134.537</b>
Chi phí lãi vay phải trả	32.772.013.529	40.627.326.209
Thuê ngoài sửa chữa TSCĐ	442.693.128	5.509.495.145
Chi phí phải trả khác	8.212.618.212	11.240.313.183
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>41.427.324.869</u></b>	<b><u>57.377.134.537</u></b>

Chi phí phải trả là các bên liên quan chi tiết xem Phụ biểu 02

**5.15 Phải trả khác**

	<u>31/12/2021</u> (VND)	<u>01/01/2021</u> (VND)
<b>Ngắn hạn</b>	<b>220.030.142.500</b>	<b>17.029.503.085</b>
Khoản phải nộp quỹ sắp xếp đổi mới doanh nghiệp	172.981.748.229	-
Nhà thầu SFECO	4.322.434.076	4.322.434.076
Lãi chậm trả Tập đoàn	34.831.838.379	923.484.030
Các khoản khác	7.894.121.816	11.783.584.979
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>220.030.142.500</u></b>	<b><u>17.029.503.085</u></b>

**5.16 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế (VND)</b>	<b>-</b>	<b>8.341.875.242</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.17 Vốn chủ sở hữu**

**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Chênh lệch đánh giá lại TS		Quy đầu tư phát triển		LNST chưa phân phối		Lợi nhuận không kiểm soát		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	6.800.000.000.000	16.641.458	(1.848.203.592)	20.278.275.441	557.075.562.980	116.014.456.844	7.491.536.733.131							
Tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	510.029.749.631	76.035.545.246	586.065.294.877							
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	(543.986.893.205)	(166.329.341.091)	(710.316.234.296)							
<b>Số dư cuối năm trước/ đầu năm nay</b>	<b>6.800.000.000.000</b>	<b>16.641.458</b>	<b>(1.848.203.592)</b>	<b>20.278.275.441</b>	<b>523.118.419.406</b>	<b>25.720.660.999</b>	<b>7.367.285.793.712</b>							
Tăng vốn trong năm nay	27.674.750.000	-	-	-	-	-	27.674.750.000							
Tăng khác	-	-	-	34.347.000.000	-	-	34.347.000.000							
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	908.446.522.624	(1.175.713.444)	907.270.809.180							
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-							
Giảm khác	(45.000.000)	(45.000.000)	(546.553.936.935)	(6.613.998.121)	(546.553.936.935)	(6.613.998.121)	(553.212.935.056)							
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>6.827.674.750.000</b>	<b>(28.358.542)</b>	<b>(1.848.203.592)</b>	<b>54.625.275.441</b>	<b>885.011.005.095</b>	<b>17.930.949.434</b>	<b>7.783.365.417.836</b>							



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Vốn của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	6.778.085.000.000	6.778.085.000.000
Vốn của đối tượng khác	49.589.750.000	21.915.000.000
<b>Cộng</b>	<b>6.827.674.750.000</b>	<b>6.800.000.000.000</b>

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	6.800.000.000.000	6.800.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	27.674.750.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	6.827.674.750.000	6.800.000.000.000

**Cổ phiếu**

	Năm 2021	Năm 2020
<b>Số lượng CP đăng ký phát hành</b>	<b>682.767.475</b>	<b>680.000.000</b>
<b>Số lượng CP đã bán ra công chúng</b>	<b>682.767.475</b>	<b>680.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	682.767.475	680.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>682.767.475</b>	<b>680.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	682.767.475	680.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Doanh thu bán hàng	12.948.125.113.583	12.671.318.218.184
Doanh thu khác	111.182.049.379	97.459.971.648
<b>Cộng</b>	<b>13.059.307.162.962</b>	<b>12.768.778.189.832</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Giá vốn hàng bán	11.471.570.835.531	10.931.465.153.869
Giá vốn khác	100.127.470.935	90.022.838.153
<b>Cộng</b>	<b>11.571.698.306.466</b>	<b>11.021.487.992.022</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.891.275.541	1.700.235.664
Tiền cổ tức và lợi nhuận được chia	345.506.011.841	270.690.767.279
Lãi chênh lệch tỷ giá	74.212.628.231	6.549.403.455
Doanh thu tài chính khác	11.200.000	296.301.712
<b>Cộng</b>	<b>421.621.115.613</b>	<b>279.236.708.110</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Lãi tiền vay	382.577.156.424	511.976.325.877
Lỗ chênh lệch tỷ giá phân bổ	289.387.095.962	480.309.443.825
Chi phí tài chính khác	46.062.028.546	18.432.461.660
<b>Cộng</b>	<b>718.026.280.932</b>	<b>1.010.718.231.362</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**6.5 Thu nhập khác**

	<u>Năm 2021</u> (VND)	<u>Năm 2020</u> (VND)
Điều chỉnh khấu hao TSCĐ các năm trước	46.860.582.018	-
Điều chỉnh chi phí SCL các năm trước	5.853.149.015	-
Thu nhập khác	<u>27.527.497.196</u>	<u>1.430.435.496</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>80.241.228.229</u></b>	<b><u>1.430.435.496</u></b>

**6.6 Chi phí khác**

	<u>Năm 2021</u> (VND)	<u>Năm 2020</u> (VND)
Chi phí khác	<u>3.642.547.150</u>	<u>11.731.429.118</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>3.642.547.150</u></b>	<b><u>11.731.429.118</u></b>

**6.7 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm 2021</u> (VND)	<u>Năm 2020</u> (VND)
<b>a. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>300.424.274.544</b>	<b>304.733.502.381</b>
Chi phí nhân viên quản lý	152.449.233.278	135.339.654.991
Chi phí khấu hao	13.779.796.268	21.615.863.485
Dịch vụ mua ngoài	34.937.204.550	35.893.184.549
Các khoản khác	99.258.040.448	111.884.799.356
<b>b. Chi phí bán hàng</b>	<b>2.579.519.376</b>	<b>2.197.216.586</b>
Chi phí nhân viên	735.088.710	388.869.000
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	672.399.578	850.893.953
Các khoản khác	<u>1.172.031.088</u>	<u>957.453.633</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>303.003.793.920</u></b>	<b><u>306.930.718.967</u></b>

**6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm 2021</u> (VND)	<u>Năm 2020</u> (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.518.320.431.565	8.498.562.474.509
Chi phí nhân công	465.810.194.261	465.952.280.800
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.052.905.530.206	1.690.548.956.480
Chi phí dịch vụ mua ngoài	397.299.466.615	317.953.248.953
Chi phí khác bằng tiền	<u>441.622.651.778</u>	<u>354.551.818.551</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>11.875.958.274.425</u></b>	<b><u>11.327.568.779.293</u></b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2021 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	58.911.971.286
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	6.957.673.112
<b>Cộng</b>	<b>65.869.644.398</b>

**6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2021 (VND)
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông công ty mẹ</b>	<b>908.446.522.624</b>
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	680.030.328
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.336</b>

**7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**7.1 Số tiền thực thu, thực trả trong năm**

Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	5.707.202.725.092 đồng
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	6.972.057.847.645 đồng

**8 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**8.1 Công cụ tài chính**

Tổng công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tổng công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng công ty.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

(i) **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tổng công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Tổng công ty.

Tổng công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

*Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Tổng công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

Tổng công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty.

*Rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu*

Cổ phiếu do Tổng công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng công ty đầu tư cổ phiếu vào một số dự án nhiệt điện có cùng các rủi ro. Đây là cổ phiếu đầu tư dài hạn và chưa được niêm yết nên Tổng công ty đánh giá mức độ nhạy cảm đối với biến động về giá cổ phiếu này là thấp.

(ii) **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tổng công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Tổng công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tổng công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tổng công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Tổng công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

*Tiền gửi ngân hàng*

Tổng công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tổng công ty theo chính sách của Tổng công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Tổng công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Tổng công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tổng công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Tổng công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tổng công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
<b>Ngày 31/12/2021</b>			
<b>Giá trị ghi số:</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	146.498.638.651	-	146.498.638.651
Phải thu khách hàng	3.517.563.549.527	-	3.517.563.549.527
Đầu tư	14.700.000.000	1.224.938.734.159	1.239.638.734.159
Phải thu về cho vay	-	-	-
Phải thu khác	16.878.031.550	12.365.128.994	29.243.160.544
<b>Trừ:</b>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(516.205.533)	-	(516.205.533)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.695.124.014.195</b>	<b>1.237.303.863.153</b>	<b>4.932.427.877.348</b>
<b>Ngày 31/12/2021</b>			
Phải trả người bán	2.202.625.137.721	370.216.414.600	2.572.841.552.321
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	261.457.467.369	-	261.457.467.369
Các khoản vay và nợ	3.349.878.446.727	4.571.694.642.376	7.921.573.089.103
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.813.961.051.817</b>	<b>4.941.911.056.976</b>	<b>10.755.872.108.793</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(2.118.837.037.622)</b>	<b>(3.704.607.193.823)</b>	<b>(5.823.444.231.445)</b>





**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
<b>Ngày 01/01/2021</b>			
<b>Giá trị ghi số:</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	452.628.280.002	-	452.628.280.002
Phải thu khách hàng	2.622.176.180.243	-	2.622.176.180.243
Đầu tư	30.700.000.000	1.224.938.734.159	1.255.638.734.159
Phải thu về cho vay	-	-	-
Phải thu khác	35.979.218.665	11.229.974.268	47.209.192.933
<b>Trừ:</b>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(499.393.086)	-	(499.393.086)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.140.984.285.824</b>	<b>1.236.168.708.427</b>	<b>4.377.152.994.251</b>
<b>Ngày 01/01/2021</b>			
Phải trả người bán	2.720.376.878.030	399.289.200.586	3.119.666.078.616
Phải trả. PN khác và chi phí phải trả	74.406.637.622	-	74.406.637.622
Các khoản vay và nợ	2.974.874.610.688	6.211.553.600.968	9.186.428.211.656
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.769.658.126.340</b>	<b>6.610.842.801.554</b>	<b>12.380.500.927.894</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(2.628.673.840.516)</b>	<b>(5.374.674.093.127)</b>	<b>(8.003.347.933.643)</b>

Tổng công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng, đầu tư tài chính và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản đầu tư tài chính	1.239.638.734.159	1.255.638.734.159	1.239.638.734.159	1.255.638.734.159
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	3.517.563.549.527	2.622.176.180.243	3.517.047.343.994	2.621.676.787.157
<i>Các khoản PT khác</i>	29.243.160.544	47.209.192.933	29.243.160.544	47.209.192.933
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	146.498.638.651	452.628.280.002	146.498.638.651	452.628.280.002
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.932.944.082.881</b>	<b>4.377.652.387.337</b>	<b>4.932.427.877.348</b>	<b>4.377.152.994.251</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
<i>Phải trả người bán</i>	2.572.841.552.321	3.119.666.078.616	2.572.841.552.321	3.119.666.078.616
<i>Phải trả khác và chi phí phải trả</i>	261.457.467.369	74.406.637.622	261.457.467.369	74.406.637.622
<i>Vay và nợ</i>	7.921.573.089.103	9.186.428.211.656	7.921.573.089.103	9.186.428.211.656
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.755.872.108.793</b>	<b>12.380.500.927.894</b>	<b>10.755.872.108.793</b>	<b>12.380.500.927.894</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2021 và ngày 01/01/2021. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**8.2 Báo cáo bộ phận**

Tổng công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: Doanh thu than, Doanh thu điện và Doanh thu khác. Chi tiết kết quả hoạt động kinh doanh theo từng ngành nghề như sau:

	Doanh thu bán hàng VND	Doanh thu cung cấp dịch vụ VND	Tổng cộng VND
<b>Năm 2020</b>			
Doanh thu	12.671.318.218.184	97.459.971.648	12.768.778.189.832
Các khoản giảm trừ	-	-	-
Giá vốn hàng bán	10.931.465.153.869	90.022.838.153	11.021.487.992.022
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>1.739.853.064.315</b>	<b>7.437.133.495</b>	<b>1.747.290.197.810</b>
<b>Năm 2021</b>			
Doanh thu	12.948.125.113.583	111.182.049.379	13.059.307.162.962
Các khoản giảm trừ	-	-	-
Giá vốn hàng bán	11.471.570.835.531	100.127.470.935	11.571.698.306.466
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>1.476.554.278.052</b>	<b>11.054.578.444</b>	<b>1.487.608.856.496</b>

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty chỉ phát sinh tại khu vực nội địa nên Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).



# TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

## TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### 8.3 Giao dịch và số dư với các bên có liên quan

Số dư tại ngày 31/12/2021 và các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ biểu 01: Tổng hợp mua bán vật tư, hàng hóa, dịch vụ mua bán với các bên liên quan.
- Phụ biểu 02: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan.

Thu nhập trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 của các thành viên của HĐQT, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

	Năm 2021 (VND)
Lương thưởng của Ban Tổng Giám đốc	2.932.200.000
Thù lao, tiền lương của Hội đồng Quản trị (Bao gồm cả thù lao của thành viên độc lập)	851.244.000
Thù lao, tiền lương Ban kiểm soát	724.800.000
<b>Cộng</b>	<b>4.508.244.000</b>

#### 8.4 Sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

Trong năm 2021, Thực hiện Hợp đồng sáp nhập số 28/2021/HĐSN/DTK-NDPC ngày 16/08/2021, Tổng Công ty điện lực TKV - CTCP (Mã chứng khoán: DTK) đã nhận sáp nhập Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV (Mã chứng khoán: NCP) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của NCP sang DTK theo hình thức hoán đổi cổ phiếu, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của NCP. Theo đó, tại ngày 28/11/2021, Tổng Công ty điện lực TKV - CTCP đã phát hành và hoán đổi 2.767.475 cổ phiếu cho 290 cổ đông của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV (ngoại trừ cổ đông là chính Tổng Công ty) theo tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu là 1:0,58 (tức 01 cổ phiếu NCP sẽ được đổi lấy 0,58 cổ phiếu DTK).

Ngày 29/12/2021, Hội đồng quản trị Tổng Công ty điện lực TKV - CTCP đã ban hành Nghị quyết số 76/NQ-ĐLTKV thông qua việc dừng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV để thực hiện bàn giao, sáp nhập về Tổng Công ty điện lực TKV - CTCP kể từ 0 giờ ngày 31/12/2021.

#### 8.5 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bị phản ánh sai lệch.



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**8.6 Thông tin so sánh**

Số liệu dùng để so sánh Báo cáo tài chính hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 của Tổng công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Hồng Nhung



Nguyễn Thị Hà



Ngô Trí Thịnh

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Phụ biểu 01

**TỔNG HỢP MUA BÁN VẬT TƯ, HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA BÁN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Tại ngày 31/12/2021

ĐVT: VND

TT	Tên đơn vị	Giá trị mua trong kỳ		Giá trị bán trong kỳ	
		Nội dung	Giá trị	Nội dung	Giá trị
A	B	1	2	3	4
1	Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	Mua than	9.880.276.265.324	Bán than	168.828.691.033
2	Tổng công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin	Mua hóa chất	6.036.828.780		-
3	Bệnh viện Than - Khoáng sản	Khám sức khoẻ	650.554.326		-
4	Viện Cơ khí năng lượng và mỏ - Vinacomin	Mua vật tư, dịch vụ	3.850.912.545		-
5	Trường quản trị kinh doanh - Vinacomin	Đào tạo	485.440.000		-
6	Công ty TNHH MTV môi trường - TKV	Mua dịch vụ	6.795.320.161	Bán phế liệu	137.646.028
7	Công ty CP Tin Học, Công Nghệ, Môi trường - Vinacomin	Dịch vụ quan trắc	845.500.323		-
8	Trường cao đẳng nghề Than - Khoáng sản Việt Nam	Đào tạo	368.117.500		-
9	Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin	Dịch vụ du lịch	-		-
10	Công ty CP VLXD và kinh doanh tổng hợp - VVMI	Mua thiết bị	20.908.238.624		-
11	Công ty CP Vật tư - TKV	Mua vật tư	72.202.702.937	Bán phế liệu	1.435.192
12	Công ty Than Na Dương - VVMI		-	Bán điện	505.286.906
13	Công ty Than Núi Hồng - VVMI		3.854.545	Bán điện	1.249.523.186
14	Công ty CP Xi măng Quán Triều VVMI		-	Bán điện	473.814.076
15	Công ty CP Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin	Mua thiết bị, dịch vụ	9.504.719.867		-
15	Công ty CP Kinh doanh than Cẩm Phả - Vinacomin	Dịch vụ trợ xỉ	5.751.648.490		-



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Phụ biểu 01

TỔNG HỢP MUA BÁN VẬT TƯ, HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA BÁN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tại ngày 31/12/2021

ĐVT: VND

TT	Tên đơn vị	Giá trị mua trong kỳ		Giá trị bán trong kỳ	
		Nội dung	Giá trị	Nội dung	Giá trị
A	B	1	2	3	4
16	Công ty CP Công nghiệp ô tô - Vinacomin	Mua thiết bị	739.049.798		-
17	Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	Dịch vụ tư vấn	903.780.992	Dịch vụ	1.195.035.748
18	Ban Quản lý dự án chuyên ngành mỏ than - TKV	Dịch vụ	2.478.772.118		
19	Công ty Cổ phần Cơ khí Mỏ Việt Bắc - VVMI	Dịch vụ	77.472.727		
20	Viện Khoa học và Công nghệ Mỏ - Vinacomin	Dịch vụ	158.482.978		
21	Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ và Thiết bị Mỏ	Dịch vụ	3.876.213		
22	Công ty Cổ phần Giám định - Vinacomin	Dịch vụ	749.673.636		
23	Công ty Cổ phần Chế tạo máy - Vinacomin	Dịch vụ	212.000.000		
24	Trung tâm Cấp cứu Mỏ - Vinacomin	Dịch vụ	727.272.727		
24	Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư Mỏ và Công nghiệp - TKV	Dịch vụ	2.272.727		
26	Công ty CP Khách sạn Thái Nguyên - VVMI	Mua dịch vụ	10.013.732.757.338		172.391.432.169
	Cộng				

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Hồng Nhung

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hà

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022





**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Phụ biểu 02

**BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Công nợ			
		131	331	335	338
A	B	1	2	3	7
A	<b>NỢ PHẢI THU</b>				
I	<b>CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN</b>	1.040.070.967	45.000.000	-	-
1	Công ty Than Núi Hồng - VVMI	133.928.136	-	-	-
2	Công ty CP Xi măng Quán Triều VVMI	43.126.530	-	-	-
3	Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	747.354.392	-	-	-
4	Viện Khoa học và Công nghệ Mỏ - Vinacomin	69.478.000	-	-	-
5	Công ty Than Na Dương - VVMI	46.183.909	-	-	-
6	Trường quản trị kinh doanh - TKV		45.000.000	-	-
II	<b>CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN</b>				
	<b>CỘNG</b>	1.040.070.967	45.000.000	-	-
B	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
I	<b>CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN</b>	400.000.000	138.927.451.928	9.995.642	34.831.838.379
1	Công ty Kho Vận Và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	-	91.928.704.029	-	-
2	Công ty CP Tin Học, Công Nghệ, Môi trường - Vinacomin	-	639.141.905	-	-
3	Công ty CP Vật Tư - TKV	-	17.438.820.643	-	-
4	Công ty CP công nghiệp ô tô - Vinacomin	-	763.242.297	-	-
5	Viện cơ khí năng lượng và mỏ - Vinacomin	-	698.423.328	-	-
6	Trường Quản trị kinh doanh Vinacomin	-	27.071.000	-	-
7	Công ty CP Xuất nhập khẩu than - Vinacomin	-	11.828.643.053	-	-





**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Phụ biểu 02

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Cộng nợ				
		131	331	335	338	
A	B	1	2	3	7	4
8	Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV	-	6.965.203.840	-	-	-
9	Công ty CP Kinh doanh than Cẩm Phả - Vinacomin	-	1.483.201.993	-	-	-
10	Công ty CP Cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	-	166.866.910	-	-	-
11	Tổng công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	-	5.770.759.630	-	-	-
12	Bệnh viện Than - Khoáng sản Việt Nam		117.039.112			
13	Công ty Cổ phần Giám định - Vinacomin		42.493.188			
14	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	400.000.000	-	9.995.642	34.831.838.379	800.032.473.936
15	Trung cấp Cấp cứu Mỏ - Vinacomin		233.200.000			
16	Công ty Cổ phần Chế tạo máy - Vinacomin		824.641.000			
II	<b>CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN</b>					
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	-	-	-	-	1.605.673.717.575
	<b>CỘNG</b>	<b>400.000.000</b>	<b>138.927.451.928</b>	<b>9.995.642</b>	<b>34.831.838.379</b>	<b>2.405.706.191.511</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Hồng Nhung

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hà

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022

TỔNG GIÁM ĐỐC



Ngô Trí Thịnh